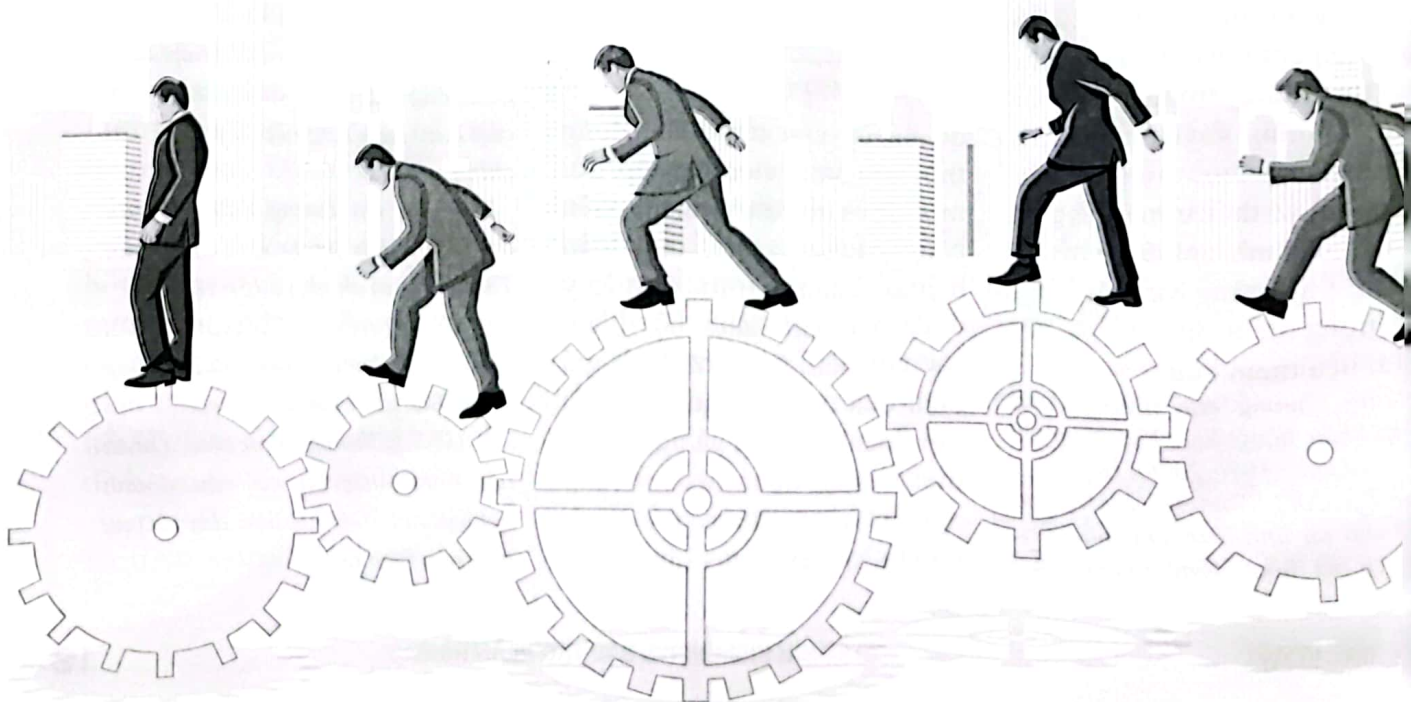


Học thuyết ngang giá sức mua của Việt Nam sau khi gia nhập WTO

ThS. NGUYỄN HỒNG NGỌC

Học viện Ngân hàng

Học thuyết ngang giá sức mua (Purchasing Power Parity - PPP) cho biết đồng tiền một quốc gia là định giá quá cao hay quá thấp. Nếu tỷ giá thị trường cao hơn tỷ giá PPP thì đồng nội tệ đang bị định giá thấp và ngược lại, khi tỷ giá thị trường thấp hơn tỷ giá PPP thì đồng nội tệ đang bị định giá cao. PPP cũng được dùng để thống kê kinh tế một cách chính xác và để so sánh các chỉ số kinh tế tại các nước khác nhau. Bài viết giới thiệu về Học thuyết ngang giá sức mua và nghiên cứu Học thuyết PPP ở Việt Nam kể từ khi gia nhập WTO.





1. Học thuyết ngang giá sức mua - PPP

1.1. Khái niệm:

Một trong những nền móng của kinh tế quốc tế là Học thuyết ngang giá sức mua (Purchasing Power Parity - PPP), trong đó số lượng hàng hoá mua được ở các nước khác nhau là như nhau khi quy về một đồng tiền chung. Để học thuyết này được duy trì, có một số giả thiết được đặt ra như sau:

Không tồn tại chi phí vận chuyển quốc tế;

nếu bỏ qua chi phí vận chuyển, hàng rào thương mại, các rủi ro và thị trường là cạnh tranh hoàn hảo, thì các hàng hoá giống hệt nhau sẽ có giá là như nhau ở mọi nơi khi quy về một đồng tiền chung.

$$P_i = E \times P_i^*$$

Trong đó:

P_i : giá hàng hoá i ở trong nước tính bằng nội tệ

E : Tỷ giá hối đoái

P_i^* : giá hàng hoá i ở nước ngoài tính bằng ngoại tệ

Tuy nhiên, có những thời điểm quy luật một giá sẽ bị phá

các nước khác nhau là như nhau trong khi đó PPP quan tâm đến số lượng hàng hoá mua được ở các quốc gia khác nhau là như nhau.

- Quy luật một giá áp dụng cho một hàng hoá cụ thể, còn PPP áp dụng cho một rổ hàng hoá. Vì vậy, theo PPP, giá của từng hàng hoá có thể khác nhau ở các nước khác nhau nhưng cuối cùng số lượng hàng hoá sẽ mua được là như nhau ở các nước khác nhau.

Chúng ta có thể lấy ví dụ như sau:

Quy luật một giá E(USD/VND) = 20.000		Ngang giá sức mua E(USD/VND) = 20.000		
	Việt Nam	Mỹ	Việt Nam	Mỹ
Điện thoại	15.000.000 VND = 750 USD	750 USD	18.000.000 VND = 900 USD	750 USD
Máy tính	20.000.000 VND = 1000 USD	1000 USD	17.000.000 VND = 850 USD	1000 USD
Kết luận	Giá của chiếc điện thoại ở Việt Nam và Mỹ là như nhau khi quy đổi ra USD, tương tự đối với giá của máy tính.		Với 35 triệu VND tức 1.750 USD thì đều mua được 1 chiếc điện thoại và 1 máy tính ở cả Việt Nam và Mỹ cho dù giá của chúng là khác nhau khi quy đổi ra USD.	

Không tồn tại các hàng rào thương mại;

Kinh doanh thương mại quốc tế không chịu rủi ro;

Hàng hoá giống hệt nhau giữa các nước;

Thị trường là cạnh tranh hoàn hảo.

Khi 5 giả thiết trên tồn tại thì: $P = E_p \times P^*$

Trong đó:

P : giá của rổ hàng hoá tiêu chuẩn trong nước tính bằng nội tệ

E_p : tỷ giá theo PPP

P^* : giá của rổ hàng hoá tiêu chuẩn nước ngoài tính bằng ngoại tệ.

Nền móng của ngang giá sức mua là quy luật một giá. Quy luật một giá phát biểu rằng

vỡ và xuất hiện bất đẳng thức.

Giả sử $P_i > E \times P_i^*$, các nhà đầu cơ sẽ mua hàng hoá nước ngoài và bán trong nước, do đó sẽ làm cho:

Giá trong nước P_i giảm

Giá ở nước ngoài P_i^* tăng

Đối với tỷ giá: Nếu là chế độ tỷ giá cố định thì E không đổi, còn trong chế độ tỷ giá thả nổi hoàn toàn thì E sẽ tăng vì cầu hàng hoá nước ngoài tăng, do đó cầu ngoại tệ tăng.

Quá trình này sẽ liên tục diễn ra cho đến khi $P_i = E \times P_i^*$.

Mặc dù được xây dựng bởi Quy luật một giá nhưng PPP có một số điểm khác Quy luật một giá như sau:

- Quy luật một giá quan tâm đến giá của từng hàng hoá ở

1.2. Các dạng biểu hiện của PPP

1.2.1. Ngang giá sức mua trạng thái tĩnh:

$$E = P / P^*$$

Trong đó:

E : tỷ giá giao dịch trên thị trường

P : giá của rổ hàng hoá và dịch vụ tính bằng nội tệ

P^* : giá của rổ hàng hoá và dịch vụ tính bằng ngoại tệ

Việc xác định tỷ giá theo thuyết PPP tuyệt đối này trong thực tế gặp nhiều khó khăn vì một số nguyên nhân sau:

Mỗi một quốc gia có rổ hàng hoá và dịch vụ là khác nhau.

Tỷ trọng của mỗi hàng hoá và dịch vụ trong rổ tại các nước khác nhau là khác nhau.



Một số quốc gia không công bố giá của rổ hàng hoá mà chỉ công bố chỉ số giá tiêu dùng.

Vì vậy học thuyết PPP dạng tương đối được sử dụng để khắc phục một số nhược điểm trên như sau:

1.2.2. Ngang giá sức mua trạng thái động, kỳ hạn 1 năm

a. Dạng tuyệt đối

$$E_1 = E_0(CPI_1/CPI_1^*)$$

Trong đó:

E_0 : mức tỷ giá đầu năm

E_1 : mức tỷ giá cuối năm

CPI_1 : chỉ số giá tiêu dùng 1 năm của nội tệ

CPI_1^* : chỉ số giá tiêu dùng 1 năm của ngoại tệ

b. Dạng tương đối

$$\Delta e = \pi - \pi^*$$

Trong đó:

Δe : Tỷ lệ thay đổi tỷ giá sau một năm

π : tỷ lệ lạm phát của của nước có đồng tiền định giá (ví dụ: Việt Nam)

π^* : tỷ lệ lạm phát của nước có đồng tiền yết giá (ví dụ: Mỹ)

Công thức này cho thấy sự thay đổi của tỷ giá USD/VND chính là chênh lệch giữa lạm phát của hai quốc gia.

1.3. Vai trò của PPP:

- PPP cho biết đồng tiền một quốc gia là định giá quá cao hay quá thấp. Nếu tỷ giá thị trường cao hơn tỷ giá PPP thì đồng nội tệ đang bị định giá thấp và ngược lại khi tỷ giá thị trường thấp hơn tỷ giá PPP thì đồng nội tệ đang bị định giá cao.

- PPP được dùng để thống kê kinh tế một cách chính xác và để so sánh các chỉ số kinh tế tại

các nước khác nhau. Ví dụ, PPP thường được sử dụng để tính toán GDP, GNP và GDP, GNP bình quân đầu người. Chẳng hạn, để so sánh GDP hay GNP của Việt Nam với Mỹ thì ta sẽ quy đổi GDP và GNP của Việt Nam ra USD theo tỷ giá thị trường hay tỷ giá chính thức sau đó so sánh với GDP, GNP của Mỹ. Tuy nhiên, việc so sánh này là không chính xác vì chi phí vận chuyển, thuế, mức độ hoàn hảo của thị trường, độ rủi ro ở hai nước này là khác nhau nên các điều kiện về kinh tế, giá cả là không đồng nhất. Vì vậy tỷ giá học thuyết PPP sẽ được sử dụng thay vì tỷ giá thị trường, lúc này các điều kiện về chi phí về vận chuyển, hàng rào thương mại, độ rủi ro, sự hoàn hảo của thị trường là như nhau làm cho giá hàng hoá là như nhau ở cả Việt Nam và Mỹ và việc so sánh sẽ chính xác.

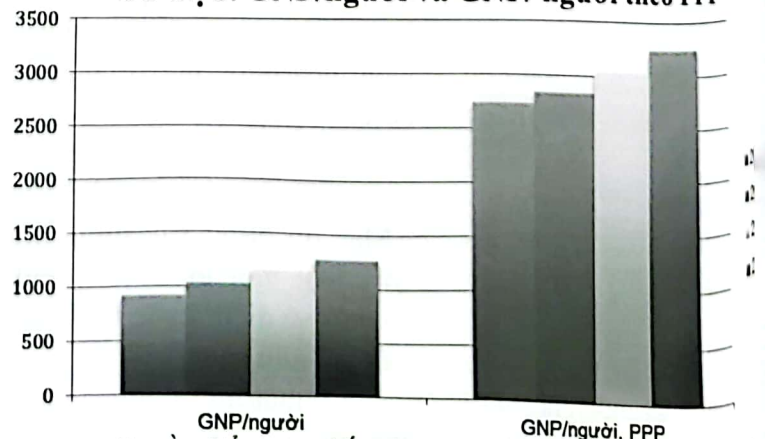
Ví dụ, đồ thị 1 cho thấy, nếu tính GNP bình quân đầu người của Việt Nam năm 2011 theo tỷ giá thị trường chỉ là 1.270 USD, trong khi đó nếu tính theo tỷ giá ngang giá sức mua PPP thì mức GNP này cao hơn

rất nhiều, 3.250 USD/năm.
2. Thực trạng học thuyết PPP tại Việt Nam kể từ khi gia nhập WTO

Như đã đề cập ở trên, mức số giá thiết của PPP là không tồn tại chi phí vận chuyển quốc tế, không tồn tại các hàng rào thương mại, kinh doanh thương mại quốc tế không có rủi ro, hàng hoá giống hệt nhau giữa các nước và thị trường cạnh tranh hoàn hảo. Kể từ khi chính thức gia nhập WTO vào năm 2007, Việt Nam phải thực hiện các cam kết quốc tế các hàng rào thương mại hạn chế hơn, thị trường trở nên cạnh tranh hoàn hảo hơn, điều này làm cho các điều kiện kinh tế gần với các giả thiết hơn. Vì vậy, số liệu sẽ được áp dụng từ năm 2007 để đánh giá thực trạng học thuyết PPP dạng tuyệt đối và tương đối có tồn tại ở Việt Nam không?

Như vậy, đối với PPP dạng tuyệt đối có thể thấy tỷ giá thị trường tách rời khỏi tỷ giá PPP. Đường tỷ giá thị trường nằm dưới đường tỷ giá PPP cho thấy VND đang bị định giá thấp so với ngang giá sức mua.

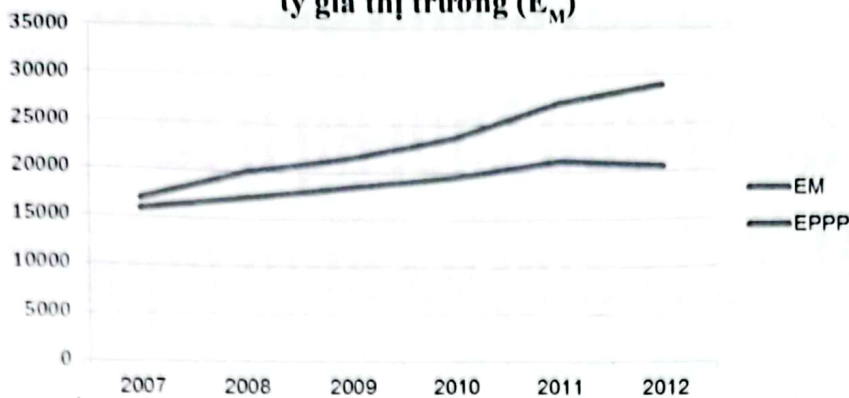
Đồ thị 1. GNP/người và GNP/ người theo PPP



Nguồn: Tổng cục thống kê, www.gso.gov.vn và tính toán của tác giả

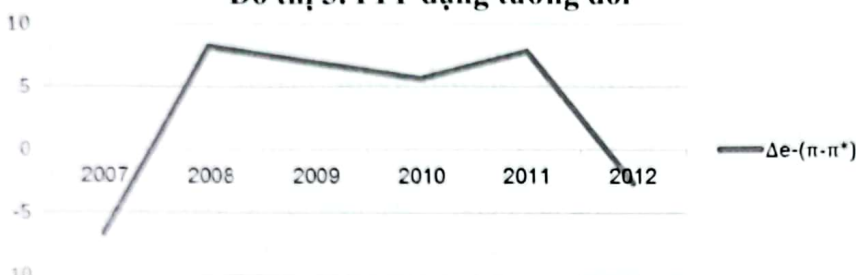


Đồ thị 2. Tỷ giá PPP dạng tuyệt đối (E_{PPP}) và tỷ giá thị trường (E_M)



Nguồn: *gso.gov.vn, finance.yahoo.com, www.bls.gov* và tính toán của tác giả

Đồ thị 3. PPP dạng tương đối



Nguồn: *Tổng cục thống kê (gso.gov.vn); www.bls.gov* và tính toán của tác giả

Đối với PPP trạng thái động, từ công thức $\Delta e = \pi - \pi^*$, ta có $\Delta e - (\pi - \pi^*) = 0$. Với các dữ liệu lạm phát của Việt Nam và Mỹ và sự thay đổi tỷ giá, PPP dạng tương đối thể hiện ở Đồ thị 3. Nếu đường thẳng trong Đồ thị 3 nằm sát trục hoành thì PPP dạng tương đối được duy trì. Tuy nhiên, trong trường hợp của Việt Nam, đường này cách xa trục hoành cho thấy PPP dạng tương đối cũng không tồn tại.

Trường hợp PPP dạng tuyệt đối và tương đối không tồn tại ở Việt Nam không phải là ngoại lệ vì hầu hết các quốc gia trên thế giới đều xây ra tình huống tương tự, mặc dù có một số quốc gia vẫn tồn tại PPP dạng tương đối như HongKong (từ 1990-2003). Vậy tại sao PPP lại không tồn tại? Có một số

nguyên nhân như sau:

- *Chi phí vận chuyển*: Thực tế là việc vận chuyển hàng hoá giữa các quốc gia vẫn đang phải chịu chi phí vận chuyển và chính điều này đã vi phạm giả thiết của học thuyết PPP.

- *Các rào cản thương mại* như thuế và các quy định của pháp luật trong thương mại là những nguyên nhân quan trọng. Hầu như các quốc gia đều hạn chế nhập khẩu các sản phẩm nông nghiệp thông qua thuế và hạn ngạch để bảo hộ sản xuất trong nước. Chính sách thuế và hạn ngạch sẽ làm hạn chế số lượng hàng hoá nhập khẩu và làm tăng giá hàng hoá nhập khẩu. Đối với hai quốc gia, nếu một quốc gia có nhiều hạn chế lên hàng nhập khẩu hơn nước khác thì đồng tiền của nước đó sẽ bị định giá cao so với PPP. Do đó,

những quốc gia có hàng rào thương mại cao tương đối với Mỹ thì đồng tiền của nước đó sẽ định giá cao tương đối với USD và ngược lại.

- *Hàng hoá không thể tham gia thương mại quốc tế (International Non-Tradeable Goods- NITG)*: Trong học thuyết PPP, nếu bỏ qua hàng rào thương mại thì giá của các hàng hoá giống nhau sẽ như nhau nếu quy về cùng một đồng tiền. Tuy nhiên, kể cả trong trường hợp không có hàng rào thương mại thì giá của các hàng hoá giống nhau vẫn khác nhau nếu quy về cùng một đồng tiền. Lý do được giải thích là trong giá của mỗi hàng hoá đều bao gồm các thành phần tạo nên giá hàng hoá đó như lao động, chi phí thuê mặt bằng để sản xuất và kinh doanh. Đây chính là những hàng hoá không thể tham gia thương mại quốc tế. Mặc dù có thể chi phí nhân công và thuê mặt bằng ở Việt Nam là thấp hơn Mỹ nhưng người lao động và bất động sản không thể tự do di chuyển từ Việt Nam sang Mỹ được, vì vậy giá hàng hoá ở Mỹ vẫn cao hơn ở Việt Nam. Chính điều này đã làm cho học thuyết PPP không tồn tại.

- *Năng suất lao động*: Balassa (1964) and Samuelson (1964) cho rằng sở dĩ hàng hoá NITG làm cho PPP không được duy trì là vì năng suất lao động. Vì khi tính chỉ số giá tiêu dùng người ta tính cả giá của hàng hoá NITG. Những nước có thu nhập cao sẽ có năng suất lao

xem tiếp trang 43



thuế được xem là thuế âm (negative tax), nghĩa là khối lượng thuế bị giảm do hoàn thuế thay vì chuyển giao giá trị dương tới chính phủ.

○ Mô tả rõ giữa thuế và dịch vụ. Giấy phép kinh doanh cá, sẵn bản... không còn được tự động xem là thuế mà là dịch vụ, cho thuê, thuế hoặc mua tài sản có giấy phép (acquisition of a licence asset), tùy vào khoản gì được cung ứng ngược trở lại.

○ Xác định cách xử lý đối với phúc lợi và đóng góp xã hội.

○ Cách xử lý đối với đóng góp quỹ hưu trí và phúc lợi theo sát với SNA và giới thiệu điều chỉnh cho thay đổi về tư cách hưu trí (pension entitlements).

○ Cách xử lý đối với bảo hiểm phải đòi và phí bảo hiểm ròng và các khoản tương tự của bảo lãnh chuẩn được xác định.

○ Hỗ trợ kỹ thuật là một phần của dự án đầu tư và được đưa vào chuyển giao vốn.

○ Nợ ưu đãi được thảo luận và đưa ra như một hạng mục bổ sung.

○ Thuật ngữ “Chuyển giao cá nhân” có nội hàm rộng hơn chuyển tiền của người lao động.

○ Giới thiệu các khái niệm Chuyển tiền tư nhân, Tổng chuyển tiền và chuyển giao tới các NPISHs.

○ Miêu tả cách xử lý đối với Chuyển giao liên quan đến thu nhập từ đánh bạc.

Trên đây là một số khác biệt cơ bản về phương pháp thống kê CCTT theo BPM5

và BPM6. Trước những thách thức của quá trình hội nhập và tự do hóa các giao dịch ngoại hối, công tác thống kê CCTT ở Việt Nam cần được đổi mới áp dụng căn bản và tiến tiến tới áp dụng đầy đủ các chuẩn mực thống kê CCTT phù hợp với thông lệ, chuẩn mực quốc tế, đặc biệt là các hướng dẫn mới nhất của IMF tại cuốn BPM6. ¹

Tài liệu tham khảo

1. www.imf.org/external/np/sta/bop/bopman5.htm

2. www.imf.org/external/pubs/ft/bop/2007/bpm6

3. Nghị định 164/1999/NĐ-CP về quản lý CCTT

4. NHNN Việt Nam, Đề tài NCKH cấp Ngành (2012) “Các giải pháp cải thiện độ chính xác của bảng CCTT của Việt Nam”.

tiếp theo trang 23

động cao hơn những nước có thu nhập thấp. Tương tự như vậy với hàng hoá NITG và ITG (International Tradeable Goods- Hàng hoá có thể tham gia thương mại quốc tế), tiền lương trả cho công nhân ở nước có thu nhập cao sẽ cao hơn cho công nhân ở nước có thu nhập thấp dẫn đến mức giá chung của hàng hoá và dịch vụ ở nước có thu nhập cao sẽ cao hơn ở nước có thu nhập thấp. Vì vậy, đồng tiền của nước có thu nhập cao sẽ bị định giá quá cao so với đồng tiền của nước có thu nhập thấp hơn làm cho tỷ giá sẽ lệch khỏi PPP.

- *Thâm hụt cán cân vãng lai:*

Giá sử không có những rào cản về thương mại thì giá của những hàng hoá có thể tham gia thương mại quốc tế sẽ bằng nhau ở các quốc gia. Krugman (1990) cho rằng khi một nước có thâm hụt cán cân vãng lai thì chi tiêu của nó lên hàng hoá có thể tham gia thương mại quốc tế sẽ tăng tương đối so với nước khác. Điều này dẫn đến sự giảm giá tương đối của các mặt hàng không thể tham gia thương mại quốc tế. Do đó, giá hàng hóa nước ngoài tăng, giá hàng hóa trong nước giảm. Vì vậy, nếu PPP được duy trì trước khi thâm hụt cán cân vãng lai thì đồng tiền của quốc gia đó bây giờ sẽ bị định giá thấp và tỷ giá sẽ bị lệch khỏi PPP.

- *Thị trường cạnh tranh không hoàn hảo:* Một điều kiện khác để PPP được duy trì là thị trường phải cạnh tranh hoàn hảo. Nếu thị trường cạnh tranh không hoàn hảo thì một số công ty sẽ có quyền lực thị trường, thậm chí ngay cả khi không có hàng rào thương mại thì giá ở các nước khác nhau sẽ không bằng nhau khi quy về cùng một đồng tiền. Một số nhà nghiên cứu cho rằng, sự khác biệt về giá của các hàng hoá có thể tham gia thương mại quốc tế ảnh hưởng rất lớn đến độ lệch của PPP. Sự khác biệt về giá của các hàng hoá có thể tham gia thương mại quốc tế có thể xảy ra khi các công ty làm giá trên thị trường và gây ra các mức giá khác nhau trên các thị trường khác nhau.

xem tiếp trang 47



bán lẻ, thời hạn thanh toán và thời hạn chiết khấu thường được xác định cho phù hợp với đặc điểm chu kỳ sản xuất kinh doanh của từng lĩnh vực hoặc từng loại mặt hàng. Do đó, đối với bên mua, khoản chiết khấu thanh toán nếu được hưởng sẽ được coi là một khoản **giảm trừ vào giá gốc hàng mua**. Đối với bên bán, khoản chiết khấu thanh toán dành cho khách hàng sẽ được ghi nhận như một khoản **giảm trừ doanh thu** bán hàng.

- Theo chuẩn mực kế toán quốc tế - IFRS/IAS, IAS 2 - Hàng tồn kho và IAS 18 - Doanh thu đều chỉ đưa ra hướng dẫn về việc xử lý vào chi phí hoặc thu nhập tài chính trong trường hợp các hợp đồng mua bán có điều khoản thanh toán khác với điều khoản thanh toán thông thường và vì thế cấu thành nên yếu tố tài trợ. Do đó, đã có những tranh luận về việc khoản chiết khấu thanh toán nên được ghi nhận như một khoản thu nhập/chi phí tài chính hay nên hạch toán giống như một khoản giảm trừ giá trị hàng mua/giảm trừ doanh thu như kế toán Mỹ. Tuy nhiên, trong cuộc họp vào tháng 11/2004, Ủy ban hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Quốc tế- IFRIC, trực thuộc IASB- Ủy ban chuẩn mực kế toán quốc tế đã có văn bản trả lời câu hỏi về vấn đề này của Ủy ban chuẩn mực kế toán Australia³. Theo đó, IFRIC

khẳng định rằng những hướng dẫn và quy định hiện hành của IFRS/IAS đã đủ rõ ràng, và các khoản chiết khấu thanh toán được coi như một khoản giảm trừ vào giá gốc của tài sản mua về. Bên cạnh đó, các văn bản và tài liệu hướng dẫn của các doanh nghiệp nhỏ và vừa SME, IASB đều thống nhất yêu cầu các khoản chiết khấu thanh toán phải được ghi giảm trừ vào doanh thu bán hàng, không được ghi nhận như một khoản chi phí hoạt động tài chính⁴.

Cả 2 cách xử lý đối với chiết khấu thanh toán (coi là khoản giảm trừ doanh thu/giá gốc hàng mua hay chi phí lãi vay/ thu nhập hoạt động tài chính) đều có cơ sở và lý lẽ riêng của nó. Chúng ta có thể xem xét và cân nhắc điều chỉnh chế độ của Việt Nam cho phù hợp với thông lệ của kế toán Mỹ. Tuy nhiên, các nhà kế toán và các nhà phân tích cần cân nhắc tới sự khác biệt này trong phân tích và diễn giải báo cáo tài chính của các doanh nghiệp được lập theo các hệ thống kế toán khác nhau. **Ⓐ**

tiếp theo trang 43

Lý thuyết kinh tế nói rằng một công ty sẽ tối đa hoá lợi nhuận bằng việc thay đổi mức giá theo độ co giãn của cầu của

một sản phẩm. Khi cầu không co giãn, doanh thu bán hàng sẽ tăng khi giá tăng, còn trong trường hợp cầu co giãn doanh thu sẽ giảm khi giá tăng. Một công ty sẽ tối đa hoá doanh thu và lợi nhuận bằng việc làm giá như bán một mức giá cao hơn đối với một nước có cầu không co giãn và bán mức giá thấp hơn đối với nước có cầu co giãn. Chính sự khác biệt về giá này sẽ làm cho giá ở các nước khác nhau là khác nhau và PPP bị lệch trong thực tế. **Ⓐ**

Tài liệu tham khảo

1. Tổng cục Thống kê
2. Ngân hàng Thế giới
3. Tài chính Quốc tế - GS. TS Nguyễn Văn Tiến
4. Bls.gov
5. Rateinflation.com
6. research.stlouisfed.org
7. finance.yahoo.com



Trời ơi

Mở ruột thừa

Bác sĩ trưởng khoa hồi bệnh nhân đang thở hồng hộc trong hành lang:

- Sắp bắt đầu mổ cho anh, tại sao anh lại bỏ chạy khỏi phòng giải phẫu?

- Vì cô y tá nói: "Yêu cầu không hoảng loạn như vậy. Mở ruột thừa là một phẫu thuật đơn giản nhất trong tất cả các loại phẫu thuật"

- Thì đúng là như thế chứ sao!

- Đã đành. Nhưng mà cô ấy nói không phải với tôi mà là với anh bác sĩ trẻ đang cầm con dao mổ.

3 Theo Newsletter of the International Financial Reporting Interpretation Committee, IFRIC Update, July 2004.

4 Theo The IFRS for SMEs, Topic 1.6, Section 23 Revenue, prepared by IFRS Foundation education staff, IASB (<http://www.ifrs.org/IFRS+for+SMEs/SME+Workshops.htm>)